SANTAK

PRODUCT SPECIFICATIONS *THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM*		REF. No.: A9104-12580-00
PRODUCT SERIES ***DÒNG SẢN PHẨM***	**Castle Series N+X**	No OF PAGE(S)*:*
MODEL No. / *MÃ SẢN PHẨM*	**C6K**	1 OF 9

INPUT / *NGÕ VÀO*

Nominal Voltage *Điện áp danh định*	: 220VAC	
Phase *Số pha*	: Single phase with ground (2W + G) *: Một pha với dây tiếp đất (2 dây + dây tiếp đất)*	
Power Factor *Hệ số công suất*	: ≥ 0.98	
Voltage Range *Hoạt động ở dải điện áp*	: 176 ~ 276VAC	
Voltage Detection *Ngưỡng nhận biết điện áp*	- Low Detection - *Nhận biết mức thấp*	: 176VAC
	- High Detection - *Nhận biết mức cao*	: 276VAC
Voltage Comeback *Ngưỡng hồi phục điện áp*	- Low Comeback - *Hồi phục mức thấp*	: 185VAC
	- High Comeback - *Hồi phục mức cao*	: 266VAC
Nominal Frequency *Tần số danh định*	: 50Hz	
Frequency Range *Hoạt động ở dải tần số*	: 46 ~ 54Hz	
Frequency Detection *Ngưỡng nhận biết tần số*	- Low Detection - *Hồi phục mức thấp*	: 46Hz
	- High Detection - *Nhận biết mức cao*	: 54Hz
Frequency Comeback *Ngưỡng hồi phục tần số*	- Low Comeback - *Hồi phục mức thấp*	: 46.5Hz

SANTAK

PRODUCT SPECIFICATIONS *THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM*		REF. No.: A9104-12580-00
PRODUCT SERIES ***DÒNG SẢN PHẨM***	**Castle Series N+X**	No OF PAGE(S)*:*
MODEL No. / *MÃ SẢN PHẨM*	**C6K**	2 OF 9

	- High Comeback - *Hồi phục mức cao*	: 53.5Hz
Nominal RMS Current *Dòng điện hiệu dụng danh định*	: 23A	
Protection *Cơ chế bảo vệ*	: 32Amp Breaker *: Ngắt điện tự động 32Amp*	
Connection *Kết nối lưới điện*	: Terminal Block *: Hộp đấu dây*	

OUTPUT / NGÕ RA

Nominal Power Capacity *Công suất định mức*	: 6kVA / 4.2kW	
Power Factor *Hệ số công suất*	: 0.7	
Voltage *Điện áp*	: 220VAC	
Voltage Regulation *Mức ổn định điện áp*	: ± 2%	
Waveform *Dạng sóng*	: Sine wave *: Sóng Sin*	
Voltage Distortion *Độ méo dạng điện áp*	- Full linear load - *Đầy tải tuyến tính*	: ≤ 2%
	- Full RCD load - *Đầy tải không tuyến tính*	: ≤ 6%
Frequency *Tần số*	- Battery mode - *Ở chế độ tự cấp điện bằng ắcqui*	: 50Hz ± 0.05Hz

SANTAK

PRODUCT SPECIFICATIONS *THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM*		REF. No.: A9104-12580-00
PRODUCT SERIES ***DÒNG SẢN PHẨM***	**Castle Series N+X**	No OF PAGE(S)*:*
MODEL No. / *MÃ SẢN PHẨM*	**C6K**	3 OF 9

	- Line mode - *Ở chế độ điện lưới*	: Same as Input *: Giống tần số ngõ vào*
Transient Response *Sự đáp ứng nhanh đối với tải*	: ≤ 5% (R load from 100% to 50% and vice versa) *: ≤ 5% (Tải thuần trở từ 100% đến 50% và ngược lại)*	
Transient Recovery *Hồi phục trở lại*	*: ≤ 60ms* *: ≤ 60 mili giây*	
Crest Ratio *Tỷ lệ nhấp nhô*	: 3:1	
Efficiency *Hiệu suất*	: > 88%	
Overload Capability *Khả năng chịu đựng quá tải*	: **Line Mode** ≥ 105% for 10 minutes then tranfer to bypass, automatically retransfer to inverter mode after over-load is cleared. ≥ 130% for 1 second then transfer to bypass mode, and cut off output in 1 minute : ***Ở chế độ điện lưới*** *≥ 105% cho 10 phút rồi chuyển sang chế độ điện lưới trực tiếp, tự động chuyển về chế độ làm việc bình thường sau khi hết tình trạng quá tải* *≥ 130% cho 1 giây rồi chuyển sang chế độ điện lưới trực tiếp và tắt máy trong 1 phút*	

SANTAK

PRODUCT SPECIFICATIONS *THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM*		REF. No.: A9104-12580-00
PRODUCT SERIES ***DÒNG SẢN PHẨM***	**Castle Series N+X**	No OF PAGE(S)*:*
MODEL No. / *MÃ SẢN PHẨM*	**C6K**	4 OF 9

	: **Battery Mode**: ≥ 105% for 10 seconds ≥ 130% for 1 second *: **Ở chế độ tự cấp điện bằng ắcqui:*** *≥ 105% trong 10 giây* *≥ 130% trong 1 giây*	
Short Circuit Protection *Bảo vệ ngắn mạch*	- Line mode & Battery mode *- Chế độ điện lưới và cả chế độ ắcqui*	: Cut-off output within 300ms *: Cắt điện đầu ra trong vòng 300mili giây*
	- Bypass mode *- Chế độ điện lưới trực tiếp*	*:* Input Breaker *: Bộ tự động ngắt điện vào*
Bypass Output without turning on *Chế độ điện lưới trực tiếp khi không mở máy*	: Yes *: Có*	
Maintenance Bypass Switch *Công tắc chuyển sang chế độ bảo dưỡng máy*	: Available *: Có*	
Connection *Kết nối lấy điện ngõ ra*	: Terminal Block *: Hộp đấu dây*	

BATTERY & CHARGER / ẮCQUI VÀ BỘ NẠP

Type *Loại*	: Sealed, Maintenance Free, Lead-Acid *: Bình Axít chì, khô và kín (không cần bảo dưỡng)*
Rating *Dung lượng*	: 12V7.2Ah
Quantity *Số lượng*	: 20pieces : *20 bình ắcqui*

SANTAK

PRODUCT SPECIFICATIONS *THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM*		REF. No.: A9104-12580-00
PRODUCT SERIES ***DÒNG SẢN PHẨM***	**Castle Series N+X**	No OF PAGE(S)*:*
MODEL No. / *MÃ SẢN PHẨM*	**C6K**	5 OF 9

DC Voltage *Điện áp danh định ắcqui*	: 240VDC	
Backup Time *Thời gian lưu điện*	- Full load - *100% công suất*	: > 7 minutes *: > 7 phút*
	- Half load - *50% công suất*	: > 20 minutes *: > 20 phút*
Battery Low Alarm Voltage *Mức cảnh báo ắcqui yếu*	: 220VDC ± 3VDC	
Auto Shutdown Voltage *Ngưỡng điện áp tự động tắt máy*	: 200VDC ± 3VDC	
Protection *Cơ chế bảo vệ*	: Fast-acting Fuse : *Cầu chì tác động nhanh*	
Floating Charging Voltage *Điện áp nạp ắcqui*	: 274VDC ± 1%	
Initial charging current *Dòng nạp ban đầu*	: 2A	
Recharge Time *Thời gian nạp ắcqui*	: 7 hours recharge to 90% : *Nạp 7 giờ được 90% dung lượng bình*	
Over Voltage Protection *Bảo vệ quá điện áp*	: 290VDC	
Leakage Current *Dòng rò*	: < 0.5mA	
Connection *Đầu nối*	: Built-in *: Đã đấu sẵn bên trong máy*	

TRANSFER TIME / *THỜI GIAN CHUYỂN CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC*

Utility Power Failure	: 0 ms

Điện lưới có hư hỏng	*: 0 mili giây*
Bypass to Inverter and vice versa *Chuyển từ chế độ điện lưới trực tiếp sang chế độ làm việc bình thường và ngược lại*	: < 0 ms *: < 0 mili giây*
Auto Transfer *Tự động chuyển chế độ làm việc*	: Automatically retransfer to Inverter mode after overload is cleared *: Tự động chuyển về chế độ làm việc bình thường sau khi hết tình trạng quá tải*

INTERFACE / *GIAO DIỆN*

Control Panel *Bảng điều khiển*	: Power On / Self-test / Alarm silence, Power Off *: Nút Tắt / Mở, nút kiểm tra, nút tắt còi báo động*
Indicators *Báo hiệu bằng đèn*	: **Graphical LED display**: Line, Battery, Bypass, Inverter, Load level / Battery level, Fault *: **Đèn chỉ thị các trạng thái**:* *Chế độ điện lưới trực tiếp, chế độ ắcqui, chế độ làm việc bình thường, dung lượng tải, dung lượng ắcqui, báo có hư hỏng*
Diagnostics *Chẩn đoán hệ thống*	: Full system self test on power up *: Tự chẩn đoán toàn bộ hệ thống khi mở máy*
Auto-restart function *Chức năng tự khởi động lại*	: Auto restart while AC source restored after discharge shutdown *: Tự động khởi động lại khi có điện lưới, sau khi máy đã xã hết ắcqui*
DC power-on function *Chức năng mở máy*	: On-battery power on *: Cho phép mở máy bằng nguồn ắcqui*

bằng nguồn ắcqui		
Audible Alarm: *Báo hiệu bằng âm thanh:* - Battery mode - *Chế độ tự cấp điện bằng ắcqui* - Battery low - *Ắcqui yếu* - Overload - *Quá tải* - Fault - *Có hư hỏng* - Bypass mode - *Chế độ điện lưới trực tiếp*	: Beeps every 4 seconds : *Bíp mỗi 4 giây* : Beeps every second : *Bíp mỗi giây* : Beeps every 0.5 seconds : *Bíp mỗi 0.5 giây* : Beeps continuously : *Bíp liên tục* : Beeps every 2 minutes : *Bíp mỗi 2 phút*	
Communications ***Các cổng giao tiếp***	- DB-9 Port - *Cổng DB-9*	: RS232 interface *: Chuẩn RS232*
	- Intelligent Slot (SNMP) - *Khe cắm mạch giao tiếp (SNMP)*	: Available (Options: Webpower card, AS400 or Winpower CMC) : *Có sẵn (Tùy chọn: Card Webpower, Card AS400 hoặc Card Winpower CMC)*
	- Parallel port for power redundancy and load sharing - *Cổng kết nối song song để chia sẻ tải và chạy dự phòng*	: DB-25 male and female port available for parallel connection *: Đầu nối DB-25 đực và cái để đấu song song các UPS với nhau*

Cooling *Hệ thống làm mát*	: Force air cooling *: Làm mát cưỡng ép bằng quạt gió*

PARALLEL FUNCTION / *KẾT NỐI SONG SONG*

Number of UPS in Parallel *Số máy đấu song song*	: Up to 3 units *: Tối đa 3 máy*
Un-sharing Current Ratio : *Tỉ lệ dòng không cân đối*	: < 3% at full load : < 3% khi đầy tải

ENVIRONMENTAL */ ĐIỀU KIỆN MÔI TRƯỜNG*

Operating Temperature *Nhiệt độ vận hành*	: 0 ~ 40ºC
Storage Temperature *Nhiệt độ bảo quản*	: - 15ºC ~ 40ºC
Humidity *Độ ẩm*	: 20 ~ 90%, Non-condensing *: 20 ~ 90%, Không tụ nước*
Altitude *Cao độ*	: < 1000m

STANDARD & SAFETY / *TIÊU CHUẨN AN TOÀN*

Audible Noise Độ ồn khi máy hoạt động	: < 55dB, at 1-meter distance in front of the front panel (Exclusive of Buzzer) *: < 55dB, cách mặt trước UPS 1m (Không tính còi báo hiệu)*
EMC *Các chuẩn liên quan đến trường điện từ*	: IEC 61000-4-2 Level 4 (ESD) IEC 61000-4-3 Level 3 (RS) IEC 61000-4-4 Level 4 (EFT) IEC 61000-4-5 Level 4 (Surge)

SANTAK

PRODUCT SPECIFICATIONS *THÔNG SỐ KỸ THUẬT SẢN PHẨM*		REF. No.: A9104-12580-00
PRODUCT SERIES ***DÒNG SẢN PHẨM***	**Castle Series N+X**	No OF PAGE(S)*:*
MODEL No. / *MÃ SẢN PHẨM*	**C6K**	9 OF 9

EMI (Conducted & Radiated) *Chuẩn liên quan về nhiễu điện từ*	: IEC62040-2, comply with I/P current ≥ 25A *: Theo chuẩn IEC62040-2 với dòng điện đầu vào ≥ 25A*
Safety *Chuẩn an toàn điện*	: IEC62040-1

MECHANICAL FEATURES / *HÌNH THỨC ĐÓNG GÓI*

Unit / *Máy chưa có bao bì*	
Dimensions W x H x D (mm) *Kích thước (Rộng x Cao x Dài)*	: 260 x 717 x 570 (mm)
Weight (Kg) *Trọng lượng (Kg)*	: 84 Kg
Packaging / *Máy đã có bao bì*	
Dimensions W x H x D (mm) *Kích thước (Rộng x Cao x Dài)*	: 430 x 845 x 700 mm
Weight (Kg) *Trọng lượng (Kg)*	: 93 Kg

Specifications are subject to change without notice

Một số các đặc tính kỹ thuật nêu trên có thể thay đổi tùy thuộc vào từng khu vực địa lý hoặc từng kỳ đoạn sản xuất